**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2**

**Câu 1.**Văn minh Đại Việt được phát triển trong điều kiện độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt, với kinh đô chủ yếu là

A. Thăng Long. B. Phú Xuân. C. Hoa Lư. D. Thiên Trường.

**Câu 2.**Cho đến nay, quốc hiệu tồn tại lâu dài nhất của Việt Nam là

A. Đại Ngu. B. Đại Việt. C. Đại Nam. D. Đại Cồ Việt.

**Câu 3.**Văn minh Đại Việt đạt được những thành tựu rực rỡ, đánh dấu sự lớn mạnh trong khu vực được biểu hiện trong giai đoạn

A. phát triển. B. thịnh vượng. C. độc lập. D. định hình.

**Câu 4.** Trung tâm chính trị văn hóa và đô thị lớn nhất của nước Đại Việt trong các thế kỉ X – XV là

A. Phố Hiến. B. Thanh Hà. C. Hội An. D. Thăng Long

**Câu 5.**Văn minh Đại Việt bộc lộ những dấu hiệu của sự trì trệ và lạc hậu vào thời điểm nào?

A. Thế kỉ XX - XXI. B. Thế kỉ XI - XVIII.

C. Thế kỉ XVI - XVII. D. Thế kỉ XVIII - XIX.

**Câu 6.**Tiến trình phát triển của văn minh Đại Việt tuần tự trải qua các giai đoạn

A. định hình => phát triển => suy yếu.

B. sơ kỳ => thịnh trị => phân tách.

C. sơ kỳ => phát triển => giai đoạn muộn.

D. khởi đầu => trung kỳ => diệt vong.

**Câu 7.**Sự kiện nào sau đây mở đầu cho thời kỳ độc lập lâu dài cho dân tộc?

A. Lý Công Uẩn dời đô. B. Chiến thắng sông Như Nguyệt.

C. Ngô Quyền xưng vương. D. Chiến thắng sông Bạch Đằng.

**Câu 8. Bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền hoàn chỉnh dưới triều đại nào?**

A. Tiền Lê B. Tây Sơn. C. Lê sơ. D. Nhà Nguyễn.

**Câu 9.** Những dữ kiện sau nhắc đến tác phẩm văn học nào?

*1. Được gọi là “Áng thiên cổ hùng văn”*

*2. Do Lý Công Uẩn soạn thảo*

*3. Còn được gọi là Thiên đô chiếu*

A. Chiếu dời đô. B. Chiếu cần vương.

C. Nam quốc sơn hà. D. Bạch Đằng giang phú.

**Câu 10.** Trước khi đổi tên dưới thời nhà Lý thành Thăng Long có tên gọi là gì?

A. Cổ Loa. B. Hoa Lư. C. Luy Lâu. D. Đại La.

**Câu 11.**Trong các thế kỉ XVI - XVII, văn minh Đại Việt

A. bước đầu được định hình văn minh.

B. phát triển mạnh mẽ và toàn diện.

C. có sự giao lưu với văn minh phương Tây.

D. có những dấu hiệu trì trệ và lạc hậu.

**Câu 12. Yếu tố nào được coi là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại.**

A. Chủ nghĩa thân dân. B. Chủ nghĩa yêu nước.

C. Chủ nghĩa Mác-Lênin. D. Tinh thần đoàn kết.

**Câu 13.** Một trong những cơ sở hình thành văn minh Đại Việt là

A. sự tiếp thu hoàn toàn những thành tựu văn minh Hy Lạp, La Mã.

B. sự kế thừa những nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.

C. quá trình áp đặt về kinh tế và văn hóa lên các quốc gia láng giềng.

D. quá trình xâm lược và bành trướng lãnh thổ ra bên ngoài.

**Câu 14.**Cơ sở quan trọng nhất hình thành nên nền văn minh Đại Việt là

A. chính sách phát triển kinh tế. B. có nền độc lập, tự chủ.

C. tư tưởng yêu nước thân dân. D. đa dạng trong nền văn hóa.

**Câu 15.**Công trình kiến trúc nào dưới đây được coi là minh chứng cho sự phát triển rực rỡ của văn minh Đại Việt trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục?

A. Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội).

B. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).

C. Dinh Độc Lập (TP. Hồ Chí Minh).

D. Thành nhà Hồ (Thanh Hóa).

**Câu 16.**Vì sao văn minh Đại Việt còn được gọi là văn minh Thăng Long?

A. Do đất Thăng Long có địa thế rồng cuộn hổ ngồi.

B. Do gắn liền với kinh đô chủ yếu là Thăng Long.

C. Thăng Long là trung tâm buôn bán có 36 phố phường.

D. Có điều kiện thuận lợi phát triển an ninh – quốc phòng.

**Câu 17. Đâu là** thành tựu của văn minh Đại Việt mang dấu ấn của văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

A. Lễ hội Nghinh Ông. B. Lễ hội Chùa Hương.

C. Giỗ tổ Hùng Vương D. Chuông Quy Điền.

**Câu 18.** Giai đoạn đất nước không ổn định, có nhiều biến động về chính trị là

A. Giai đoạn sơ kỳ. B. Giai đoạn muộn.

C. Giai đoạn hậu kỳ. D. Giai đoạn cuối.

**Câu 19.** Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống: “………..là những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển cao của xã hội”

A. Văn vật. B. Văn hiến. C. văn hóa. D. Văn minh.

**Câu 20.** Ở miền Bắc nước ta có những làng gốm sứ cổ truyền là

A. Huê Cầu, Bát Tràng, Vân Nội. B. Bát Tràng, Chu Đậu, Thổ Hà.

C. Nội Duệ, Đa Ngưu, Đông Hồ. D. Bát Tràng, Hương Canh, Huê Cầu.

**Câu 21.** Cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông đã chia cả nước thành

A. 10 đạo thừa ti . B. các phủ, lộ, trấn .

C. 13 đạo thừa tuyên. D. 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên.

**Câu 22.** Bộ luật Quốc triều hình luật có tên gọi khác là gì?

A. Hình luật. B. Hình Thư.

C. Luật Hồng Đức. D. Luật Gia long.

**Câu 23.** Bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền hoàn chỉnh dưới triều đại nào từ thế kỷ XI- XV?

A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C. Nhà Lê sơ. D. Nhà Hồ.

**Câu 24.** Đỉnh cao của nền văn minh Đại Việt ở dưới triều đại nào từ thế kỷ XI- XV?

A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C. Nhà Lê sơ. D. Nhà Hồ.

**Câu 25.** Chức quan chăm lo việc đắp đê thời Trần là

A. Hà đê sứ. B. Quốc công. C. Tể tướng. D. Thái úy

**Câu 26.** Các xưởng thủ công do nhà nước tổ chức và quản lí trong các thế kỉ XI - XV là

A. đồn điền. B. quan xưởng. C. quân xưởng. D. Quốc tử giám.

**Câu 27.** Dưới thời Lý, Trần, Lê sơ, các địa điểm trao đổi hàng hóa với nước ngoài được hình thành ở vùng biên giới, như:

**A.** Thăng Long, Vân Đồn,… B. Thanh Hà, Hội An,…

C. Gia Định, Thăng Long,… D. Thị Nại, Lạch Trường,…

**Câu 28.** Những nghề thủ công cổ truyền của nước Đại Việt là

A. đúc đồng, rèn sắt, gốm, dệt. B. đúc đồng, tranh sơn mài, gốm, dệt.

C. làm đường trắng, rèn sắt, gốm, dệt. D. đúc đồng, rèn sắt, làm thủy tinh.

**Câu 29.** Các vua thời Lê, thời Lý hằng năm thường về quê để làm gì?

A. Làm lễ cày ruộng tịch điền.

B. Cùng nông dân để làm công tác thủy lợi.

C. Kiểm tra việc đảm bảo sức kéo của trâu, bò.

D. Kiểm tra lại việc ban cấp ruộng đất cho nông dân.

**Câu 30.** Biểu hiện sự phát triển vượt bậc của thủ công nghiệp trong các thế kỉ X - XV là

A. hệ thống chợ làng phát triển.

B. sự phong phú của các mặt hàng mỹ nghệ.

C. sự ra đời của đô thị Thăng Long.

D. sự hình thành các làng nghề thủ công truyền thống

**Câu 31.** Trong các thế kỉ XVI – XVIII một số nghề thủ công mới xuất hiện. Đó là những nghề nào?

A. In khắc bản gỗ, làm đường trắng, làm tranh sơn mài, làm đồng hồ.

B. In khắc bản gỗ, làm đường trắng, làm đồ trang sức, làm đồng hồ.

C. In khắc bản gỗ, Gốm sứ, dệt vải, làm tranh sơn mài, làm đồng hồ.

D. In khắc bản gỗ, làm đường trắng, làm tranh sơn mài, rèn sắt, đúc đồng.

**Câu 32.** Biểu hiện nào sau đây không phản ánh đúng sự phát triển của ngọai thương nước ta trong các thế kỉ XI – XVIII?

A. Xuất hiện nhiều làng buôn và trung tâm buôn bán.

B. Nhiều thương nhân nước ngoài đến xin lập phố xá.

C. Thuyền buôn nước ngoài đến nước ta ngày càng nhiều.

D. Bên cạnh thương nhân Nhật còn có thương nhân Anh, Pháp.

**Câu 33.** Ngoại thương phát triển có tác dụng gì đối với nền kinh tế nước ta?

A. Thúc đẩy thủ công và thương nghiệp phát triển.

B. Giúp cho việc mở rộng buôn bán với nhiều nước.

C. Tạo điều kiện việc làm cho thợ thủ công và thương nhân.

D. Làm cho hàng hóa trên thị trường phong phú, đa dạng.

**Câu 34.** Đến đầu thế kỉ XIX các đô thị ở nước ta suy tàn dần do

A. nội thương kém phát triển.

B. thủ công nghiệp kém phát triển.

C. chính sách “bế quan tỏa cảng” của triều đình.

D. mâu thuẫn giữa nước ta với thương nhân nước ngoài.

**Câu 35.** Bộ luật nào được biên soạn đầy đủ nhất, có nội dung tiến bộ nhất thời phong kiến ở Việt Nam?

A. Hình thư. B. Hình luật.

C. Quốc triều hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

**Câu 36.** Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự phát triển của tương nghiệp thế kỉ XI – XV là

A. Các chính sách khuyến khích thương nghiệp phát triển của nhà nước phong kiến.

B. Những hoạt động tích cực của thương nhân nước ngoài tại Thăng Long.

C. Sự phát triển của nông nghiệp, thủ công nghiệp trong hoàn cảnh đất nước độc lập.

D. Các triều đại cho xây dựng các hải cảng, buôn bán hang hoá với nước ngoài.

**Câu 37.** Một trong những điểm tiến bộ trong bộ máy nhà nước thời vua Lê Thánh Tông so với các triều đại trước là

A. Bỏ chức Tể tướng và các chức Đại hành khiển.

B. Giúp vua trị nước có Tể tướng và một số đại thần.

C. Giúp vua trị nước là ba ban: văn ban, võ ban, tăng ban.

D. Giúp việc cho vua là các Xã quan.

**Câu 38.** Hoàn chỉnh nội dung kiến thức sau “Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, mở ra….”

A. một giai đoạn phát triển mới. B. một thời kì mới.

C. một kỉ nguyên mới. D. một thời đại mới.

**Câu 39.** Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt?

A. Thể hiện một nền văn hóa rực rỡ, phong phú, toàn diện và chưa độc đáo.

B. Chứng tỏ văn hóa ngoại lai hoàn toàn lấn át văn hóa truyền thống.

C. Là nền văn minh nông nghiệp lúa nước.

D. Thể hiện sự kết hợp giữa văn hóa bản địa và văn hóa phương Tây.

**Câu 40.** Nội dung nào sau đây phản ánh sự hạn chế của nền văn minh Đại Việt?

A. Thể hiện một nền văn hóa rực rỡ, phong phú, toàn diện và chưa độc đáo.

B. Chứng tỏ văn hóa ngoại lai hoàn toàn lấn át văn hóa truyền thống.

C. Là nền văn minh nông nghiệp lúa nước.

D. Yếu tố đô thị nhìn chung mờ nhạt.

**Câu 41.** Văn minh Đại Việt đã khẳng định nội dung nào sau đây?

A. Dân tộc và dân chủ.

B. Bản sắc của một dân tộc, một quốc gia văn hiến, văn minh ở khu vực Đông Nam Á và thế giới phương Đông.

C. Thể hiện một nền văn hóa rực rỡ, phong phú, toàn diện và hiện đại.

D. Bản sắc của một dân tộc, một quốc gia văn hiến, văn minh ở khu vực Đông Nam Á và thế giới phương Tây.

**Câu 42.** Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

A. Thể hiện một nền văn hóa rực rỡ, phong phú, toàn diện và độc đáo.

B. Chứng tỏ văn hóa ngoại lai hoàn toàn lấn át văn hóa truyền thống.

C. Khẳng định bản sắc dân tộc của một quốc gia văn hiến, văn minh.

D. Thể hiện sự kết hợp giữa văn hóa bản địa và văn hóa bên ngoài.

**Câu 43.** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện được tính hạn chế của văn minh Đại Việt?

A. Chưa chú trọng phát triển các ngành khoa học kỹ thuật.

B. Thương nghiệp không được tạo điều kiện phát triển.

C. Lả nền văn minh nông nghiệp lúa nước.

D. Các ngành thủ công nghiệp truyền thống không được tiếp tục phát triển.

**Câu 44.**Nội dung nào sau đây đã chứng tỏ văn minh Đại Việt đã kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

A. Nền văn minh nông nghiệp lúa nước.

B. Đã chú trọng phát triển các ngành khoa học kỹ thuật.

C. Ngành công nghiệp được chú trọng phát triển.

D. Các ngành dịch vụ ngày nay cũng được chú ý phát triển.

**Câu 45.** Nho giáo và Phật giáo được du nhập vào nước ta thời kì nào?

A. Bắc thuộc. B. Thời Lý. C. Thời Trần. D. Thời Lê.

**Câu 46.** Người lập ra triều đại mới với sự ủng hộ của cao tăng Phật giáo là

A. Hồ Quý Ly. B. Mạc Đăng. C. Lý Công Uẩn. D. Lê Hoàn.

**Câu 47.** Tôn giáo có vị trí đặc biệt quan trọng thời Lý-Trần là

A. Nho giáo B. Đạo giáo C. Phật giáo D.Hin đu giáo

**Câu 48.** Nho giáo giữ địa vị độc tôn từ

A. thời Lê sơ B. thời Lý C. thời Trần D. thời Hồ

**Câu 49.** Vị trạng nguyên đầu tiên, ít tuổi nhất của nước ta là ai?

A. Mạc Đĩnh Chi B. Nguyễn Khuyến

C. Lê Văn Hưu D. Nguyễn Hiền

**Câu 50.** Người được mệnh danh là “Lưỡng quốc trạng nguyên” là:

A. Mạc Đĩnh Chi B. Nguyễn Khuyến

C. Lê Văn Hưu D. Nguyễn Hiền

**Câu 51.** Công trình Phật giáo nổi tiếng nào được xây dựng vào năm 1049?

A. Chùa Phật Tích B. Chùa Một Cột

C. Chùa Keo D. Chùa Dâu

**Câu 52.** Nhà nước cho xây dựng bia đá khắc bia Tiến Sĩ ở Văn Miếu từ bao giờ?

A. Thế kỉ XI-nhà Lý C. Thế kỉ X-nhà tiền Lê

B. Thế kỉ XIV-nhà Trần D. Thế kỉ XV-nhà Lê sơ

**Câu 53.** Dưới thời Lê sơ, nguồn đào tạo và tuyển chọn quan lại chủ yêu dưới hình thức nào?

A. Cha truyền con nối B. Giáo dục, khoa cử

C. Chọn người có công D. Tiến cử, đề cử

**Câu 54.** Chữ Nôm là chữ viết của người Việt được cải biến từ

A. chữ Phạn B. chữ Khơ-me C. chữ Hán D. chữ Latinh

**Câu 55.** Vì sao Nho giáo sớm được chế độ phong kiến lấy làm hệ tư tưởng của giai cấp thống trị?

A. Được phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

B. Góp phần củng cố quyền lực của giai cấp thống trị

C. Chung sống hòa bình với các tín ngưỡng dân gian

D. Nội dung dễ tiếp thu

**Câu 56.** Ý nghĩa của việc dựng bia tiến sĩ thời Lê sơ là gì?

A. Ghi nhớ những người đỗ đạt

B. Vinh danh những người đỗ tiến sĩ

C. Khuyến khích học tập trong nhân dân

D. Lưu truyền hậu thế

**Câu 57.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của văn minh Đại Việt?

A. Thể hiện sức sáng tạo, sự lao động bền bỉ của các thế hệ người Việt.

B. Tạo nên sức mạnh dân tộc trọng các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

C. Góp phần bảo tồn, giữ gìn và phát huy thành tựu của văn minh Việt cổ.

D. Có sức lan tỏa và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của văn minh Trung Hoa.

**Câu 58.** Sự chung sống hòa bình của các tư tưởng, tôn giáo và tín ngưỡng dân gian trong lịch sử nước ta thời phong kiến còn được gọi là gì?

1. “Tam giáo đồng nguyên” C. “Tam giáo đồng hành”
2. “Tam nguyên yên đỗ” D. “Tam canh điền”

**Câu 59.** Điểm chung về nội dung của giáo dục Việt Nam trong các thế kỉ XVI - XVIII với các thế kỉ X - XV là gì?

A. Nho học. B. Phật học.

C. Khoa học xã hội. D. Khoa học tự nhiên.

**Câu 60.**Văn học Đại Việt trong các thế kỉ X - XV **không** bao gồm thể loại nào sau đây?

A. Văn học dân gian. B. Văn học chữ Nôm.

C. Văn học chữ Phạn. D. Văn học chữ Hán.

**Câu 61.** Nội dung nào sau đây **không**phản ánh đúng ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

A. Thể hiện một nền văn hóa rực rỡ, phong phú, toàn diện và độc đáo.

B. Chứng tỏ văn hóa ngoại lai hoàn toàn lấn át văn hóa truyền thống.

C. Khẳng định bản sắc dân tộc của một quốc gia văn hiến, văn minh.

D. Thể hiện sự kết hợp giữa văn hóa bản địa và văn hóa bên ngoài.

**Câu 62:** Tín ngưỡng nào sau đây **không** phải là tín ngưỡng dân gian của người Việt?

A. Thờ thần Đồng Cổ B. Thờ Mẫu

C. Thờ Phật D. Thờ Thành hoàng làng

**Câu 63.** Điền vào chỗ trống của đoạn dữ liệu sau:

“Từ thế kỉ XVI - XVII, xuất hiện nhiều ….(1)….. nổi tiếng như Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phùng khắc Hoan, Đào Duy Từ v.v… Tuy nhiên, trong lúc văn học chính thống có phần suy thoái thì trong nhân dân hình thành và phát triển một trào lưu……(2)…….khá rầm rộ”.

A. (1) nhà thơ, (2) văn học phương Tây.

B. (1) nhà viết kịch, (2) văn học dân gian.

C. (1) nhà bình luận, (2) văn học phương Tây.

D. (2) nhà thơ Nôm, (2) văn học dân gian.

**Câu 64.** Ý nào **không** phản ánh nội dung của văn học dân gian Việt Nam từ khi mới hình thành?

A. Nói lên tâm tư nguyện vọng về cuộc sống tự do.

B. Phản ánh cuộc sống tinh thần và tâm linh của người Việt.

C. Thể hiện sự trung thành của nhân dân một nước đối với vua.

D. Phản ánh những phong tục tập quán, đặc điểm của quê hương.

**Câu 65.** Điểm mới của văn học Việt Nam trong các thế kỉ XVI - XVIII?

A. Văn học chữ Nôm phát triển.

B. Văn học chữ Hán bị sa sút.

C. Văn học dân gian hình thành và phát triển.

D. Văn học dân gian vừa ra đời đã bị dập tắt.

**Câu 66.** Chùa Một Cột là công trình kiến trúc được xây dựng mô phỏng theo hình dáng

A. một bông hoa sen. B. một bông hoa cúc.

C. chiếc lá bồ đề. D. một bông hoa đại

**Câu 67.** Hải Thượng Lãn Ông là

A. nhà sử học B. nhà toán học C. nhà giáo D. danh y

**Câu 68:** “Người thầy của muôn đời” là danh hiệu của ai trong lịch sử phong kiến Việt Nam?

A. Trần Nguyên Đán. B. Chu Văn An.

C. Khổng Tử. D. Nguyễn Trải.

**Câu 69.** Tác giả của cuốn“Đại Việt sử kí”?

A. Lê Hoàn C. Lý Thường Kiệt

B. Trần Quốc Tuấn D. Lê Văn Hưu

**Câu 70.** Tác phẩm Dư địa chí thuộc lĩnh vực khoa học nào?

A. Địa lí C. Văn học B. Lịch sử D. Quân sự

**Câu 71.** Một trong những nhà toán học tiêu biểu của nước ta thời kì phong kiến là

A. Phan Huy Chú. B. Ngô Sĩ Liên.

C. Lê Văn Hưu. D. Lương Thế Vinh.

**Câu 72.** Tập bản đồ tiêu biểu của nước ta dưới thời Nguyễn là

A. Dư địa chí. B. Hoàng Việt nhất thống dư địa chí.

C. Hồng Đức bản đồ. D. Đại Nam nhất thống toàn đồ.

**Câu 73:** Bộ quốc sử tiêu biểu của nước ta dưới thời Lê sơ là

A. Đại Việt sử ký. B. Đại Việt sử ký toàn thư.

C. Đại Nam thực lục. D. Khâm định Việt thông sử

**Câu 74:**Tập bản đồ tiêu biểu của nước ta dưới thời Nguyễn là

A. Dư địa chí. B. Hoàng Việt nhất thống dư địa chí.

C. Hồng Đức bản đồ. D. Đại Nam nhất thống toàn đồ.

**Câu 75:** Cơ quan chuyên viết sử thời Trần có tên gọi là gì?

A. Quốc sử quán B. Quốc sử viện

C. Ngự sử đài D. Hàn Lâm Viện

**Câu 76.** So với thế kỉ X - XV thì nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc trong các thế kỉ XVI - XVIII của nước ta

A. phát triển hơn.   B. không phát triển bằng.

C. bị hạn chế phát triển. D. khôi phục lại vị trí như cũ.

**Câu 77.** Điểm mới của nghệ thuật Việt Nam trong các thế kỉ XVI - XVIII là

A. xuất hiện nghệ thuật chèo. B. xuất hiện nghệ thuật tuồng.

C. nghệ thuật dân gian hình thành. D. nghệ thuật cải lương hình thành

**Câu 78:** Dưới triều Nguyễn đầu thế kỉ XIX, dòng văn học nào chiếm ưu thế?

A. Văn học dân gian. B. Văn học chữ Hán.

C. Văn học chữ  Nôm. D. Văn học chữ  Quốc ngữ.

**Câu 79.** Từ các thế kỉ XVI - XVIII, Nho giáo mất dần địa vị và từng bước bị suy thoái vì

A. chế độ quân chủ chuyên chế Việt Nam lâm vào khủng hoảng.

B. tư tưởng này không phù hợp với phong tục tập quán của nhân dân

C. sự xuất hiện và được truyền bá rộng rãi của Thiên Chúa giáo.

D. giai cấp thống trị không còn tin dùng do không phù hợp với điều kiện mới.

**Câu 80.** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự suy thoái của văn học chữ Hán ở Việt Nam trong các thế kỉ XVI - XVIII?

A. Nho giáo suy thoái. B. Phật giáo khôi phục lại vị trí.

C. Văn học chữ Nôm phát triển. D. Văn học dân gian phát triển.

**Câu 81.** Nét nổi bật của văn học Việt Nam trong các thế kỉ XVI - XVIII là sự nở rộ của các tác phẩm văn thơ nổi tiếng

A. được sáng tác bằng chữ Nôm. B. được sáng tác bằng chữ Hán.

C. mang đậm tư tưởng Phật giáo. D. mang đậm tư tưởng Nho giáo.

**Câu 82.** Vì sao văn học dân gian có điều kiện hình thành và phát triển nở rộ ở nước ta?

A. Tư tưởng Nho giáo không còn giữ địa vị độc tôn.

B. Tư tưởng Phật giáo có điều kiện phát triển.

C. Giai cấp thống trị tạo điều kiện phát triển.

D. Phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân dân.

**Câu 83.** Việc chữ Nôm được nâng lên trở thành chữ viết chính thống thay thế chữ Hán ở nước ta thể hiện

A. sự suy thoái của Nho giáo. B. ý thức tự tôn của dân tộc.

C. tính ưu việt của ngôn ngữ. D. phù hợp với qui luật khách quan.

**Câu 84.** Cùng với sự truyền bá đạo thiên chúa ở Việt Nam, các giáo sĩ phương Tây đã sáng tạo nên

A. chữ Quốc ngữ. B. chữ nôm. C. chữ Hán. D. chữ Brahmi

**Câu 85.** Ở Đại Việt, thời phát triển, tư tưởng nào được xem là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất để đánh giá con người và các hoạt động xã hội?

A. Yêu nước, thương dân. B. Yêu chuộng hòa bình.

C. Tương thân tương ái. D. Nhân nghĩa, đoàn kết.

**Câu 86.** Tư tưởng yêu nước thương dân của người Việt phát triển theo hai xu hướng nào?

A. Dân tộc và dân chủ. B. Bình đẳng và văn minh.

C. Dân tộc và thân dân. D. Dân chủ và bình đẳng.

**Câu 87.** “*Phép quân điền*”– chính sách phân chia ruộng đất công ở các làng xã được thực hiện dưới triều đại nào?

A. Nhà Lý B. Nhà Tiền Lê C. Nhà Trần D. Nhà Lê sơ

**Câu 88.** Người Việt đã tiếp thu có chọn lọc các thành tựu về: tôn giáo thể chế chính trị, luật pháp, chữ viết, tư tưởng Nho giáo, giáo dục, … từ nền văn minh nào dưới đây?

A. Văn minh Ấn Độ. B. văn minh Trung Hoa.

C. Văn minh Phục hưng. D. Văn minh Hy Lạp - La Mã.

-----o0o-----